

Bản án số: 29/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 10/11/2023

“V/v yêu cầu không công nhận vợ
chồng và nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thái Trọng Bình;

2. Ông Nguyễn Văn Trường.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 89/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2023 về việc “Yêu cầu không công nhận vợ chồng và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị D, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Thôn A, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Bị đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Thôn A, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 28/8/2023, biên bản lấy lời khai, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Bùi Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị D và ông Hoàng Văn T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1990, ông bà không có đăng ký kết hôn. Bà với ông T sống hạnh phúc một thời gian dài. Nhưng từ năm 2018 đến nay bà với ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T thương xuyên chửi bới và có lần đánh bà, ngoài ra ông T còn uống rượu và sống không chung thủy với bà, bà đã khuyên nhủ nhiều nhưng ông T vẫn không thay đổi. Từ tháng 02/2023 đến nay bà với ông T đã sống ly thân. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận bà với ông T là vợ chồng.

- Về con chung: Bà D với ông T có 03 con chung là Hoàng Văn P, sinh ngày 15/02/1992, Hoàng Anh T1, sinh ngày 04/9/2003 và Hoàng Thị T2, sinh ngày

10/01/2007. Hiện 02 con lớn là Hoàng Văn P và Hoàng Anh T1 đã thành niên, có khả năng lao động nên bà không yêu cầu phân chia nghĩa vụ nuôi con. Đối với con Hoàng Thị T2 chưa thành niên, ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi trực tiếp con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà D không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, bà Bùi Thị D không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn là ông Hoàng Văn T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông với bà Bùi Thị D tự tìm hiểu, không ai ép buộc, ông bà được gia đình tổ chức lễ cưới sau đó về chung sống với nhau từ năm 1990 đến nay, ông bà không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống ông với bà D sống không hạnh phúc, ông và bà D thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, thời gian sau này bà D mê tín nên hay đi cúng bái ở nhiều nơi, ông khuyên nhủ nhưng bà D không nghe. Từ đầu năm 2023 đến nay ông và bà D sống ly thân, tuy nhiên ông không muốn ly hôn, ông muốn hàn gắn để vợ chồng nuôi dạy con cái trưởng thành.

- Về con chung: Ông với bà D có 03 con chung là Hoàng Văn P, sinh ngày 15/02/1992, Hoàng Anh T1, sinh ngày 04/9/2003 và Hoàng Thị T2, sinh ngày 10/01/2007. Hiện 02 con lớn là Hoàng Văn P và Hoàng Anh T1 đã thành niên, có khả năng lao động nên ông không yêu cầu phân chia nghĩa vụ nuôi con. Đối với con Hoàng Thị T2 chưa thành niên, thì theo nguyện vọng của con muốn ở với bà D thì ông đồng ý.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Ông T không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, ông Hoàng Văn T không có yêu cầu gì thêm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, bị đơn là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 15, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bà Bùi Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị D và ông Hoàng Văn T tự do tìm hiểu, tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Như vậy

việc kết hôn của bà D và ông T đã không tuân thủ theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình nên không có giá trị về mặt pháp lý. Quá trình chung sống bà D và ông T thường xảy ra mâu thuẫn và hiện nay ông bà đã sống ly thân. Nay bà Bùi Thị D đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà D và ông T. Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 15 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu không công nhận vợ chồng của bà Bùi Thị D với ông Hoàng Văn T.

- Về con chung: Bà D với ông T có 03 con chung là Hoàng Văn P, sinh ngày 15/02/1992, Hoàng Anh T1, sinh ngày 04/9/2003 và Hoàng Thị T2, sinh ngày 10/01/2007. Hiện 02 con lớn là Hoàng Văn P và Hoàng Anh T1 đã thành niên, có khả năng lao động nên bà không yêu cầu phân chia nghĩa vụ nuôi con. Đối với con Hoàng Thị T2 chưa thành niên, ly hôn bà D có nguyện vọng được nuôi trực tiếp con chung.

Tại bản tự khai của cháu Hoàng Thị T2 trình bày: Trong trường hợp bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Xét yêu cầu của bà D và nguyện vọng của cháu Hoàng Thị T2 thấy rằng: Kể từ khi bà D và ông T sống ly thân, bà D là người trực tiếp nuôi dạy con chung, bà D vẫn đảm bảo cho sự phát triển bình thường về mọi mặt của con. Do đó, căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy bà D có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, nên chấp nhận yêu cầu của bà D.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng tiền nuôi con, nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung khác: Bà D và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà Bùi Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Thị D và ông Hoàng Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Thị T2, sinh ngày 10/01/2007 cho bà Bùi Thị D trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Hoàng Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bà Bùi Thị D.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Bà Bùi Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà D đã nộp tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số: 0007525 ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h. Chư Păh;
- THADS h. Chư Păh;
- UBND xã Ia Ka;
- Đương sự;
- Luru HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị Hòa